

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **37/2022/HNGĐ-PT**

Ngày : 23 /11/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Hoàng Thị Hải Hường

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Bà Trần Thị Hà.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLPT-HNGĐ ngày 04/10/2022, về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Do bản án sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐ-PT ngày 01/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S- sinh ngày 10/9/1993 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đầu, xã Tự Lạn, huyện VY, tỉnh BG

Nơi ở hiện nay: Thôn Thượng, xã Thượng Lan, huyện VY, tỉnh BG

- Bị đơn: Anh Chu Văn N- sinh năm 1984. (có mặt)

ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Đầu, xã Tự Lạn, huyện VY, tỉnh BG.

**** Người kháng cáo:*** Bị đơn anh Chu Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tự Lạn, huyện VY, tỉnh BG năm 2010. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau, lâu dần mâu thuẫn vợ chồng trở lên gay gắt, anh N hay đi uống rượu, bỏ bê con cái, không quan tâm đến vợ con. Anh N cũng đi làm nhưng lại yêu cầu chị phải đưa tiền lương cho anh N quản lý trong khi chị phải chi tiêu trong sinh hoạt gia đình và nuôi con, khi chị không đưa thì anh N lại lăng mạ, xúc phạm chị. Sự việc như vậy thường xuyên xảy ra khiến chị rất mệt mỏi từ tháng 2/2022 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Chị xác định chị và anh N không còn tình cảm, chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có ba con chung là Chu Đức Ngọc, sinh 01/4/2011, Chu Thị Ngà, sinh 10/10/2012 và Chu Trúc Anh, sinh 19/9/2019. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Ngọc và cháu Trúc Anh, để anh N nuôi cháu Ngà. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm tại Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng/ tháng chị có thể đảm bảo cho con chung của anh chị phát triển tốt. Chị đang ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn Thượng, xã Thượng Lan, Việt Yên, Bắc Giang. Do vậy, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ trong việc chăm sóc, đưa đón các con chị đi học.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với phần trình bày của chị về điều kiện kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn từ việc làm ăn kinh tế, tiền sinh hoạt trong gia đình và trong cuộc sống, vợ chồng có xảy ra xô xát xảy ra. Chị S cương quyết ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị S có ba con chung như chị S đã trình bày. Các con chung phát triển bình thường và đang sống cùng anh. Anh đề nghị Tòa án giao ba con chung cho anh nuôi dưỡng vì anh là người chăm sóc các con từ khi còn nhỏ, trực tiếp đưa các con đi học. Chị S thường xuyên đi làm từ sáng đến tối muộn mới về, không quan tâm, chăm sóc gì đến con; bỏ con đi rất ít khi về thăm con.-Chị không có nhà đất riêng nên nếu nuôi con không đảm bảo. Anh là lái xe, mức thu nhập bình quân khoảng hơn 10 triệu đồng/tháng. Anh chỉ làm việc trong ngày trên địa bàn thôn, xã, không phải đi làm xa, thời gian đi làm anh gửi

con cho ông bà nội trông giúp còn chiều tối anh đón các cháu về nhà. Anh không muốn các con phải chia cắt để anh chị em ở với nhau cho có tình cảm. Anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2022 cháu Chu Đức Ngọc là con chung của chị S, anh N trình bày: Trường hợp bố mẹ cháu không ở cùng nhau cháu ở cùng bố hay mẹ đều được nhưng nguyện vọng của cháu được ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2022 cháu Chu Thị Ngà là con chung của chị S, anh N trình bày: Trường hợp bố mẹ cháu không ở cùng nhau, cháu ở cùng bố hay mẹ đều được.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên đã xử:

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 71; Điều 72; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Chu Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Chu Trúc A, sinh 19/9/2019 và Chu Đức N1, sinh 01/4/2011; anh Chu Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Chu Thị NN, sinh 10/10/2012. Sau khi ly hôn, chị S, anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 29/7/2022 anh Chu Văn N là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Đề nghị xem xét giải quyết lại về việc nuôi con chung, giao cho anh nuôi dưỡng cả 3 con chung là Chu Đức N1, Chu Thị N và Chu Thị Trúc A.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S không rút đơn khởi kiện; bị đơn anh Chu Văn N không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

-Bị đơn là anh Chu Văn N trình bày: Anh không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc giao cháu Chu Đức Ngọc và Chu Trúc Anh cho chị Dung nuôi dưỡng vì các cháu đang ở với anh và do anh chăm sóc. Chị S đi làm về muộn, không có chỗ ở ổn định, chị ở đâu anh không biết và nếu các cháu sống với chị anh không yên tâm. Anh đề nghị giao cả 3 con cho anh nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị không đồng ý giao cả 3 con chung cho anh N nuôi dưỡng vì anh N có đánh đập cháu Ngọc, cháu Ngọc cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị vẫn đang sống cùng mẹ đẻ chị, mẹ chị hỗ trợ chị chăm sóc con cho chị. Chị đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Chu Văn N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh BG.

Anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh chị không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Về con chung: Anh Chu Văn N kháng cáo đề nghị giao cả 3 con chung cho anh nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử thấy:

Anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị S đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Đức N1, sinh 01/4/2011, Chu Thị NN, sinh 10/10/2012 và Chu Trúc A, sinh 19/9/2019. Xét về điều kiện chỗ ở, điều kiện kinh tế và việc chăm sóc con chung thấy:

Anh chị đều có thu nhập, chỗ ở ổn định. Anh N có nhà riêng còn chị S ở chung cùng mẹ đẻ, anh chị đều phải đi làm để phát triển kinh tế và có thu nhập

nên việc anh chị khi đi làm đều có sự hỗ trợ của phía người nhà là bố mẹ đẻ anh chị. Do vậy, anh chị đều đủ điều kiện về thu nhập và chỗ ở. Xét về điều kiện chăm sóc con chung. Anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc con chung. Cháu Chu Đức N1 và cháu Chu Thị NN đã trên 7 tuổi. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành làm việc với các cháu. Cháu Ngọc có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Ngà đề nghị Tòa án giao cháu được ở với ai cháu cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy việc anh Ngọc cho rằng chị S không đủ điều kiện để nuôi con chung và đề nghị được nuôi cả 3 con chung. Tại phiên tòa anh N cho rằng chị S không thường xuyên chăm sóc con, đi sớm về muộn và không có trách nhiệm về những bữa cơm của các con, đi về hay đánh đập cháu Chu Đức N1 nhưng anh không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho trình bày và yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Hội đồng xét xử cần xem xét nguyện vọng của cháu Chu Đức N1 để giao cháu N1 cho chị S nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Thị NN anh N nuôi dưỡng. Cháu Chu Trúc A còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nên cần giao cho chị S nuôi dưỡng như nhận định, đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Phù hợp với quy định tại Điều 69; Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh N và chị S không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh N và chị S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N, chị S thực hiện quyền này.

[3].Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Chu Văn N. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không chấp nhận, nên anh Chu Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Chu Văn N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ Điều 58; 69; Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Chu Trúc A, sinh 19/9/2019 và Chu Đức N1, sinh 01/4/2011; anh Chu Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Chu Thị NN, sinh 10/10/2012.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do anh, chị không yêu cầu.

Anh N, chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Án phí : Anh Chu Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008241 ngày 02/8/2022 tại Chi cục thi hành án huyện VY, tỉnh BG. Xác nhận anh Chu Văn N đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND huyện Việt Yên;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tự Lạn, Việt Yên
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Hoàng Thị Hải Hường

